

Ngày thi: 12/12/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
1	142337312	Lại Thị Vân	Anh	B14QTH1	9		6.5		9				7	7.7	Báý pháý Báý	
2	142337315	Trần Thị Lan	Anh	B14QTH1	7		8		7.5				5.6	6.5	Sầu pháý Nằm	
3	142337319	Mai Thị	Bé	B14QTH1	8		8.5		7.5				6.5	7.1	Báý pháý Mắú	
4	142337321	Đỗ Văn	Biển	B14QTH1	8		7.3		8.5				8.2	8.2	Tằm pháý Hai	
5	142337325	Nguyễn Thành	Công	B14QTH1	6		9.3		7.5				5.6	6.5	Sầu pháý Nằm	
6	142337331	Nguyễn Tiến	Dũng	B14QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng	
7	142337333	Đinh Thị Trúc	Đào	B14QTH1	6		7.8		8				6.8	7.1	Báý pháý Mắú	
8	142337335	Phan Minh	Đạt	B14QTH1	8		7.5		7				5.7	6.4	Sầu pháý Bắú	
9	142337338	Nguyễn Đình	Đồng	B14QTH1	9		7		9				7.9	8.2	Tằm pháý Hai	
10	142337339	Dương Đình	Đức	B14QTH1	7		6.5		8.5				4.5	6.0	Sầu	
11	142337341	Thiều Quang	Đức	B14QTH1	9		9		8.5				7.1	7.8	Báý pháý Tằm	
12	142337342	Nguyễn Thị	Giang	B14QTH1	7		7		8.5				7.6	7.7	Báý pháý Báý	
13	142337343	Đinh Thị Mai	Hà	B14QTH1	6		8		8.5				5.7	6.7	Sầu pháý Báý	
14	142337346	Tô Thị	Hà	B14QTH1	7		7.3		8				6.5	7.0	Báý	
15	142337350	Nguyễn Lê Linh	Chi	B14QTH1	7		6		9				7	7.4	Báý pháý Bắú	
16	142337351	Nguyễn Minh	Hải	B14QTH1	6		7		7				5.4	6.0	Sầu	
17	142337353	Nguyễn Lê Thảo	Hạnh	B14QTH1	6		8.8		8				5.8	6.7	Sầu pháý Báý	
18	142337354	Nguyễn Thị	Hạnh	B14QTH1	8		7.8		8				5.7	6.7	Sầu pháý Báý	
19	142337355	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	B14QTH1	6		7.8		8				6.5	7.0	Báý	
20	142337358	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	B14QTH1	9		6.8		8.5				6.7	7.4	Báý pháý Bắú	
21	142337361	Lê Thị	Hiền	B14QTH1	8		8.3		7.5				6.5	7.1	Báý pháý Mắú	
22	142337375	Trương Thị	Hòa	B14QTH1	8		6.5		8.5				4.3	5.9	Nằm pháý Chèn	
23	142337376	Lê Xuân	Hoàn	B14QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng	
24	142337378	Hà Lê Thái	Học	B14QTH1	2		0		8.5				4.4	4.7	Bắú pháý Báý	
25	142337382	Bùi Thị	Huệ	B14QTH1	6		6		7.5				6.9	6.9	Sầu pháý Chèn	
26	142337383	Đinh Nguyễn Minh	Huệ	B14QTH1	7		8		7.5				5.6	6.5	Sầu pháý Nằm	
27	142337385	Trần Ngọc	Hùng	B14QTH1	7		7.3		9				5.7	6.8	Sầu pháý Tằm	
28	142337388	Hoàng Thị	Huyền	B14QTH1	3		0		8.5				6.1	5.8	Nằm pháý Tằm	
29	142337389	Hoàng Thu	Huyền	B14QTH1	8		7.3		8				7.5	7.7	Báý pháý Báý	
30	142337396	Trần Thành	Khải	B14QTH1	6		7.3		7				5.9	6.3	Sầu pháý Ba	
31	142337399	Đoàn Ngọc	Khoa	B14QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng	
32	142337405	Hoàng Nguyễn Phương	Lan	B14QTH1	8		7.3		8.5				6.4	7.2	Báý pháý Hai	
33	142337407	Tổng Thị Diệu	Lan	B14QTH1	6		8		8				8.8	8.2	Tằm pháý Hai	
34	142337409	Đoàn Thị Mỹ	Liên	B14QTH1	6		8.5		7.5				5.7	6.5	Sầu pháý Nằm	
35	142337411	Lê Xuân	Liệu	B14QTH1	6		7.8		8.5				4.9	6.2	Sầu pháý Hai	
36	142337412	Lê Thị	Linh	B14QTH1	2		0		5				V	0.0	Khăng	
37	142337418	Trần Thanh	Long	B14QTH1	6		7.3		7.5				5.4	6.2	Sầu pháý Hai	
38	142337420	Ngô Thị	Luyến	B14QTH1	8		6		5				7.1	6.6	Sầu pháý Sầu	
39	142337422	Lê Duy	Lương	B14QTH1	6		7		5				6.4	6.1	Sầu pháý Mắú	
40	142337424	Huỳnh Ngô Bích	Ly	B14QTH1	7		8		9				6.2	7.2	Báý pháý Hai	
41	142337426	Ôn Thị Thu	Mai	B14QTH1	7		7.3		8.5				7.3	7.6	Báý pháý Sầu	
42	142337427	Trần Văn	Mạnh	B14QTH1	9		7.8		8				V	0.0	Khăng	Hoàn thi
43	142337428	Hồ Thị Huyền	Mi	B14QTH1	9		8.3		8.5				6	7.2	Báý pháý Hai	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B14QTH

TÊN HỌC PHẦN: QUẢNG CÁO & CHIÊU THỊ

ĐỢT HỌC 8

MÃ HỌC PHẦN : MKT - 364

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 12/12/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
44	142337430	Nguyễn Văn Minh	B14QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
45	142337434	Nguyễn Thị Phương Mỹ	B14QTH1	2		6.8		8.5				V	0.0	Khăng			
46	142337435	Lê Na	B14QTH1	6		8		8.5				6.7	7.2	Báý pháp Hai			
47	142337439	Đinh Thị Nga	B14QTH1	7		8		8				8.2	8.0	Tầm			
48	142337444	Võ Thị Thùy Ngân	B14QTH1	8		6.8		8				7.7	7.7	Báý pháp Báý			
49	142337448	Lê Ánh Ngọc	B14QTH1	6		6		5				6.6	6.1	Sầu pháp Mắú			
50	142337449	Lê Thị Bảo Ngọc	B14QTH1	4		8.5		8				6	6.6	Sầu pháp Sầu			
51	142337465	Bùi Thanh Phú	B14QTH1	6		8.3		8.5				5.1	6.4	Sầu pháp Bắú			
52	142337466	Nguyễn Thị Phụng	B14QTH1	8		7.8		8				6.8	7.3	Báý pháp Ba			
53	142337468	Nguyễn Văn Phước	B14QTH1	2		0		7.5				V	0.0	Khăng			
54	142337475	Nguyễn Thị Lan Phương	B14QTH1	7		7.3		8				7.4	7.5	Báý pháp Nằm			
55	142337477	Trương Thị Phương	B14QTH1	8		6.8		8.5				7.5	7.7	Báý pháp Báý			
56	142337478	Nguyễn Phước Quang	B14QTH1	4		7.5		7				6.6	6.5	Sầu pháp Nằm			
57	142337479	Trương Hồng Quang	B14QTH1	8		7.3		5				6.5	6.4	Sầu pháp Bắú			
58	142337480	Trần Ngọc Quý	B14QTH1	9		7.8		8.5				7.8	8.1	Tầm pháp Mắú			
59	142337491	Lương Thị Hoài Thanh	B14QTH1	7		8		8				7.7	7.7	Báý pháp Báý			
60	142337499	Trịnh Đình Thắng	B14QTH1	6		7.5		7.5				7.4	7.3	Báý pháp Ba			
61	142337500	Nguyễn Thị Anh Thi	B14QTH1	9		6.8		8.5				8.6	8.4	Tầm pháp Bắú			
62	142337501	Võ Minh Thi	B14QTH1	6		7.8		7				5.5	6.2	Sầu pháp Hai			
63	142337505	Nguyễn Thị Phương Thu	B14QTH1	7		7.3		8.5				5.4	6.5	Sầu pháp Nằm			
64	142337521	Lê Quốc Toàn	B14QTH1	7		7.5		8				5.9	6.7	Sầu pháp Báý			
65	142337527	Nguyễn Thị Trang	B14QTH1	7		7.5		5				5.4	5.7	Nằm pháp Báý			
66	142337529	Võ Thị Huyền Trang	B14QTH1	9		7.8		8				6.6	7.3	Báý pháp Ba			
67	142337533	Văn Công Trọng	B14QTH1	2		0		8				6.9	6.0	Sầu			
68	142337540	Trương Văn Tuy	B14QTH1	9		9.3		8.5				8.7	8.7	Tầm pháp Báý			
69	142337544	Dương Thị Ánh Tuyết	B14QTH1	9		7.5		8.5				6.1	7.1	Báý pháp Mắú			
70	142337548	Đinh Thị Tiên Vũ	B14QTH1	7		8.3		8				8.2	8.0	Tầm			
71	142337551	Lê Song Vũ	B14QTH1	9		8.5		8.5				6.2	7.3	Báý pháp Ba			
72	142337554	Nguyễn Trần Nhật Vy	B14QTH1	7		7.8		8				5.3	6.4	Sầu pháp Bắú			
73	142337557	Nguyễn Ngọc Xin	B14QTH1	6		5.3		7.5				4.3	5.4	Nằm pháp Bắú			
74	142337562	Đoàn Dũng	B14QTH1	8		6.5		9				5.7	6.8	Sầu pháp Tầm			
75	132337561	Trần Lan Anh	B14QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
76	142327092	Võ Khắc Ngọc	B14QTH2	8		7		8.5				4.3	6.0	Sầu			
77	142327128	Nguyễn Thị Hồng Thắm	B14QTH2	8		8		8.5				6.5	7.3	Báý pháp Ba			
78	142337313	Lê Thị Hoài Anh	B14QTH2	7		6.5		8				4.8	6.0	Sầu			
79	142337314	Trần Nguyễn Phương Anh	B14QTH2	7		7		5				6.9	6.4	Sầu pháp Bắú			
80	142337323	Phạm Thị Minh Châu	B14QTH2	8		7.5		7				7.6	7.5	Báý pháp Nằm			
81	142337326	Phạm Văn Cường	B14QTH2	6		5.5		7				6.2	6.3	Sầu pháp Ba			
82	142337332	Nguyễn Thị Duyên	B14QTH2	7		7.8		8				5.9	6.7	Sầu pháp Báý			
83	142337337	Phan Trung Đông	B14QTH2	6		7.3		7.5				5.8	6.4	Sầu pháp Bắú			
84	142337348	Vũ Thị Thanh Hà	B14QTH2	6		8.3		7				7.1	7.1	Báý pháp Mắú			
85	142337352	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	B14QTH2	8		8.8		7				8.3	8.0	Tầm			
86	142337356	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	B14QTH2	8		8		8.5				6.7	7.4	Báý pháp Bắú			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B14QTH

TÊN HỌC PHẦN: QUẢNG CÁO & CHIÊU THỊ

ĐỢT HỌC 8

MÃ HỌC PHẦN : MKT - 364

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 12/12/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
87	142337357	Lê Thị Thu	Hàng	B14QTH2	9		7.3		7				6.1	6.7	Sau pháp Baý		
88	142337363	Nguyễn Thị	Hiền	B14QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
89	142337369	Nguyễn Văn	Hiếu	B14QTH2	2		7		7				5.1	5.5	Nằm pháp Nằm		
90	142337370	Võ Đức	Hiếu	B14QTH2	6		6.8		7				7.2	7.0	Baý		
91	142337371	Tôn Thị Thanh	Hoa	B14QTH2	8		7.5		8.5				6.5	7.3	Baý pháp Ba		
92	142337380	Nguyễn Thị Thu	Hồng	B14QTH2	8		7.5		8				4.9	6.2	Sau pháp Hai		
93	142337387	Trần Quốc	Huy	B14QTH2	8		6.5		7				5.5	6.2	Sau pháp Hai		
94	142337393	Phan Bích	Hường	B14QTH2	9		8		8				5.2	6.6	Sau pháp Sau		
95	142337402	Lê Minh	Khương	B14QTH2	8		8.3		7.5				5.2	6.4	Sau pháp Bấu		
96	142337410	Hoàng Thị	Liên	B14QTH2	8		7.3		7				6.5	6.9	Sau pháp Chên		
97	142337414	Phan Mỹ	Linh	B14QTH2	8		7.8		8.5				8.8	8.5	Tâm pháp Nằm		
98	142337421	Nguyễn Thị	Luyến	B14QTH2	8		6.3		7				5.6	6.3	Sau pháp Ba		
99	142337423	Nguyễn Thị Bích	Lượng	B14QTH2	8		6.8		7				6.7	6.9	Sau pháp Chên		
100	142337431	Trần Thị Bình	Minh	B14QTH2	6		7.3		7				7.6	7.3	Baý pháp Ba		
101	142337432	Lê Thị Nga	My	B14QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
102	142337437	Phạm Hoàng	Nam	B14QTH2	7		6.8		8				7.2	7.3	Baý pháp Ba		
103	142337438	Phạm Trương Kỳ	Nam	B14QTH2	4		7		5				3.5	0.0	Khăng		
104	142337440	Nguyễn Phan Huyền	Nga	B14QTH2	8		8.8		8				8.5	8.4	Tâm pháp Bấu		
105	142337452	Dương Thị Hạnh	Nguyên	B14QTH2	8		8.3		7				6.1	6.7	Sau pháp Baý		
106	142337454	Nguyễn Thị Hiếu	Nha	B14QTH2	9		7.8		5				8.5	7.6	Baý pháp Sau		
107	142337456	Lê Ngọc	Nhiên	B14QTH2	6		8.5		5				4.1	5.0	Nằm		
108	142337457	Lê Thị	Nhung	B14QTH2	9		6.5		5				5.7	5.9	Nằm pháp Chên		
109	142337461	Phạm Nguyễn Hoàng	Oanh	B14QTH2	8		6.8		7				4.5	5.7	Nằm pháp Baý		
110	142337462	Trần Thị Vũ	Oanh	B14QTH2	8		7		8				4.3	5.9	Nằm pháp Chên		
111	142337467	Nguyễn Huy	Phước	B14QTH2	6		7.5		8				7.9	7.7	Baý pháp Baý		
112	142337469	Đặng Thị Lan	Phương	B14QTH2	6		6.5		7				5.5	6.0	Sau		
113	142337473	Nguyễn Phước Linh	Phương	B14QTH2	6		7.8		7.5				8.1	7.7	Baý pháp Baý		
114	142337474	Nguyễn Thị Hồng	Phương	B14QTH2	8		8		5				4.7	5.4	Nằm pháp Bấu		
115	142337482	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	B14QTH2	5		6.5		7.5				4.3	5.4	Nằm pháp Bấu		
116	142337484	Dương Phạm Khánh	Quỳnh	B14QTH2	0		0		0				V	0.0	Khăng		
117	142337485	Trang Thị	Sa	B14QTH2	8		5.3		7				6.3	6.5	Sau pháp Nằm		
118	142337487	Lê	Sơn	B14QTH2	5		6		7				4	5.1	Nằm pháp Mất		
119	142337488	Nguyễn Ngọc	Sơn	B14QTH2	5		6.5		7				7.8	7.2	Baý pháp Hai		
120	142337490	Nguyễn Minh	Tâm	B14QTH2	8		8.5		8				5.9	6.9	Sau pháp Chên		
121	142337493	Lê Văn	Thành	B14QTH2	7		6.3		7				5.2	5.9	Nằm pháp Chên		
122	142337503	Nguyễn Thị	Thoa	B14QTH2	9		10		7				7.3	7.7	Baý pháp Baý		
123	142337508	Bùi Thị Thanh	Thúy	B14QTH2	6		6.3		7.5				4.4	5.5	Nằm pháp Nằm		
124	142337513	Trần Thị Thanh	Thúy	B14QTH2	8		7		7				V	0.0	Khăng		
125	142337518	Trần Trung	Tín	B14QTH2	7		7		7.5				5.2	6.1	Sau pháp Mất		
126	142337519	Nguyễn Đình	Toàn	B14QTH2	9		6.8		7				7.1	7.2	Baý pháp Hai		
127	142337520	Nguyễn Như	Toàn	B14QTH2	7		7.5		7				6.3	6.7	Sau pháp Baý		
128	142337522	Trịnh Đình	Toán	B14QTH2	9		6.3		7				7.3	7.3	Baý pháp Ba		
129	142337524	Lê Thị Thu	Trang	B14QTH2	9		7		7				5.5	6.4	Sau pháp Bấu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B14QTH												
PHÒNG ĐÀO TẠO				TÊN HỌC PHẦN: QUẢNG CÁO & CHIÊU THỊ										ĐỢT HỌC		8
				MÃ HỌC PHẦN : MKT - 364										TÍN CHỈ		3
Ngày thi: 12/12/2010														LẦN THI		1
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
130	142337532	Trần Thị Thục	Trinh	B14QTH2	6		6.3		8.5				7.2	7.3	Baý pháý Ba	
131	142337536	Nguyễn Hữu Quan	Trúc	B14QTH2	9		7.8		7				5.1	6.2	Saũ pháý Hai	
132	142337541	Phạm Trung	Tuyên	B14QTH2	9		8		7				4.8	6.1	Saũ pháý Mãi	
133	142337543	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	B14QTH2	7		8		8				6.9	7.3	Baý pháý Ba	
134	142337550	Lê Long	Vũ	B14QTH2	9		7.5		8.5				7.1	7.7	Baý pháý Baý	
135	142337553	Nguyễn Ngọc Uyên	Vy	B14QTH2	7		8.8		8				5.1	6.4	Saũ pháý Bảú	
1	02.QT.014	Phạm Thị Thu	Hà	QT06	7		9		8.5				6.1	7.0	Baý	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	122	90%	
2	Số sinh viên nợ	14	10%	
TỔNG CỘNG :		136	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 12 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức
 Phạm Hồng Phương
 TS. Hồ Văn Nhân
 ThS. Nguyễn Hữu Phú